



TỈNH ỦY THANH HÓA
BAN CÁN SỰ ĐẢNG UBND TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 150 -BC/BCSD

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác học tập và quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế (gọi tắt là Nghị quyết 36-NQ/TW) và Chính phủ ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế (gọi tắt là Nghị quyết 26/NQ-CP), tỉnh Thanh Hóa đã bám sát nội dung Hướng dẫn số 131-HD/BTGTW ngày 05/9/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương để chỉ đạo hệ thống các cơ quan Tuyên giáo, các tổ chức cơ sở Đảng, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt nội dung của Nghị quyết đến các cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, các hiệp hội, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn tỉnh nhằm tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh về vai trò, vị trí của ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin (CNTT) trong giai đoạn mới; ý nghĩa, nhiệm vụ, giải pháp về ứng dụng và phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 36-NQ/TW và Nghị quyết số 26/NQ-CP, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Kế hoạch số 106-KH/TU ngày 06/7/2015 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2015-2020; UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch hành động số 111/KH-UBND ngày 30/7/2015 về thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số

36-NQ/TW. Trong đó, đã giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị; giao trách nhiệm cho người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp chỉ đạo việc phát triển, ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị mình; xác định và chỉ đạo việc ứng dụng, phát triển CNTT là nội dung quan trọng, bắt buộc phải có khi xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, các chương trình kế hoạch giai đoạn 2016-2020 và tiếp theo của tỉnh cũng như của các cấp, các ngành trong tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành triển khai thực hiện cho cả giai đoạn và hàng năm trong các đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về các nội dung của Nghị quyết số 36-NQ/TW

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã chỉ đạo về học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hiệp hội, doanh nghiệp tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Kết quả, 100% các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức hội nghị học tập quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết; tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập đạt trên 96%.

UBND tỉnh Thanh Hóa chỉ đạo kịp thời các cơ quan báo chí trên địa bàn và hệ thống truyền thanh cơ sở đẩy mạnh, đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền về Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP và các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về CNTT và các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết đã nêu.

Hàng năm, Hội đồng phối hợp phổ biến pháp luật tỉnh tổ chức các hội nghị triển khai, phổ biến các Luật, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật về lĩnh vực CNTT đến lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố để nhanh chóng đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ứng dụng và phát triển CNTT đi vào đời sống.

Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành, Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp triển

khai thực hiện các chương trình, kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về ứng dụng, phát triển CNTT, chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; cán bộ tổ chuyển đổi số cấp xã. Đồng thời, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã cũng đã tích cực, chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm CNTT và Truyền thông, Viễn thông Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa... triển khai các lớp tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức của ngành, địa phương.

II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HÓA

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách

Quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP, Kế hoạch số 106-KH/TU ngày 06/7/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa; UBND tỉnh đã chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành đầy đủ, kịp thời hệ thống văn bản để triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của các Nghị quyết và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong giai đoạn 2014-2024, đã tham mưu ban hành 01 Nghị quyết của Tỉnh ủy; 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 08 Chỉ thị, 73 Quyết định; 47 Kế hoạch và 01 Chương trình thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh và nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện. Trong đó, có nhiều văn bản quan trọng¹ làm cơ sở pháp lý để tổ chức và triển khai thực hiện thành công Nghị quyết 36-NQ/TW. Trong từng văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đã chỉ rõ các nhiệm vụ, dự án thực hiện các nhiệm vụ được giao và đảm bảo theo lộ trình, kế hoạch đã ban hành.

(có danh mục các văn bản quan trọng được nêu tại Phụ lục 1 kèm theo).

2. Hoàn thiện và bổ sung quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn và hệ thống chỉ tiêu đánh giá

Để hoàn thiện, bổ sung quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn và hệ thống chỉ tiêu đánh giá, hàng năm UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện việc rà soát các nhiệm vụ về ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa phương để kiến nghị, đề xuất, bổ sung hoàn thiện các quy trình, tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá kết quả, chất lượng thực hiện ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số. Trong giai đoạn 2014-2024, UBND tỉnh ban hành nhiều bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn, để

¹ Như: Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 30/7/2015 về thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

các cấp, các ngành triển khai áp dụng². Qua đó, các cấp, các ngành căn cứ để xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện; đồng thời, là cơ sở để tổ chức thực hiện đánh giá về mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT hàng năm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đề ra giải pháp và tháo gỡ khó khăn cho các cơ quan, đơn vị trong việc ứng dụng CNTT trong thời gian tới.

3. Hoàn thiện cơ chế tài chính và đầu tư

UBND tỉnh đã tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, trong đó có nhiều nội dung về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017); chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026 (Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022). Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành nhiều quyết định bổ sung, hoàn thiện các cơ chế tài chính và đầu tư hỗ trợ việc ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ nói chung và CNTT nói riêng³.

Hàng năm, UBND tỉnh Thanh Hóa chỉ đạo các ngành liên quan cân đối, bố trí nguồn kinh phí để đẩy mạnh việc ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; nguồn kinh phí luôn được cấp bổ sung và phân bổ cho các ngành để triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2014-2024, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho ứng dụng, phát triển CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh là 2.998.700 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

Thông qua Hội nghị xúc tiến đầu tư của tỉnh và các hội nghị, hội thảo chuyên đề về CNTT, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành liên quan, cung cấp thông tin để kêu gọi các nhà đầu tư tích cực đầu tư về lĩnh vực CNTT nhằm đẩy mạnh thị trường và phát triển các sản phẩm CNTT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

4. Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển thị trường

Nhằm khuyến khích các doanh nghiệp phát triển trên thị trường, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về “Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020” trong đó có chính sách hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất phần mềm ứng dụng, Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh về “Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026”

² Như: Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 về việc ban hành Quy định định giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc ban hành Kế hoạch ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thanh Hóa (phiên bản 1.0); Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 về việc giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

³ Như: Quyết định số 5069/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 phê duyệt Đề án “Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025”, Quyết định số 5519/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh giai đoạn 2021-2025...

trong đó có các doanh nghiệp về viễn thông, CNTT; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 về việc phê duyệt Đề án “Phát triển một số sản phẩm CNTT mũi nhọn của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” và nhiều văn bản khác nhằm phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp CNTT dựa trên thế mạnh của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

5. Chính sách thu hút và đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã bố trí mỗi đơn vị 01 cán bộ chuyên trách về CNTT để thực hiện các nhiệm vụ tham mưu xây dựng các kế hoạch ứng dụng CNTT, triển khai, duy trì hoạt động các ứng dụng CNTT.

Nhằm thu hút, khuyến khích, động viên đội ngũ nhân lực hoạt động chuyên trách về CNTT, ngày 06/12/2020 HĐND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Thông qua việc triển khai kịp thời chính sách của tỉnh đã tác động tích cực đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng trong việc tổ chức triển khai các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi, bố trí cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình đào tạo; các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực CNTT.

Tuy nhiên, chức danh cán bộ chuyên trách về CNTT chưa được quy định chính thức, nhiều đơn vị chi hợp đồng, chế độ tiền lương chưa đảm bảo (nhất là ở các đơn vị cấp cơ sở).

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW

1. Về xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin quốc gia đồng bộ, hiện đại

1.1. Những kết quả đạt được

a) Công tác quy hoạch tổng thể phát triển hạ tầng thông tin quốc gia

Công tác quy hoạch và tham gia quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, CNTT, hạ tầng số trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản

chi đạo làm căn cứ pháp lý để các cấp, các ngành, các tổ chức doanh nghiệp triển khai thực hiện⁴.

b) Tham gia xây dựng và mở rộng hạ tầng thông tin quốc gia hiện đại, đồng bộ, liên thông; kết nối băng rộng, chất lượng cao đến tất cả các xã, phường, thị trấn, cơ sở giáo dục; kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương.

- Hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Trong những năm qua, hạ tầng số trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm đầu tư đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn trên địa bàn tỉnh:

+ Hạ tầng CNTT: Hạ tầng, trang thiết bị CNTT trong các cơ quan, đơn vị tiếp tục được quan tâm đầu tư đồng bộ, hiện đại từ cấp tỉnh đến cấp xã nhằm phục vụ tốt công tác chuyên môn, chuyển đổi số; 100% cán bộ, công chức được trang bị thiết bị CNTT; 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có hạ tầng mạng LAN, kết nối Internet đảm bảo thông suốt, an toàn để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. 100% các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi sang IPv6; người dùng có thể thực hiện truy cập song song cả địa chỉ IPv4 và IPv6 trên môi trường mạng.

Các Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh⁵ tiếp tục được đầu tư đảm bảo cho việc duy trì, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL), các phần mềm ứng dụng cho các cơ quan Đảng và cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định; hệ thống điều hành, giám sát an ninh mạng (SOC) được đầu tư, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và luôn hoạt động thông suốt.

Duy trì, vận hành hơn 700 phòng họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã; hàng năm đã tổ chức được 100 cuộc họp giao ban trực tuyến giữa UBND tỉnh với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương; giữa UBND tỉnh với UBND cấp huyện, cấp xã; và hơn 410 cuộc họp trực tuyến giữa cấp huyện với cấp xã nhằm tiết kiệm về mặt thời gian và chi phí hành chính khác. Một số ngành, lĩnh vực đã ứng dụng các nền tảng số và các công nghệ mới⁶ vào hoạt động quản lý như: hệ thống giám sát chỉ số không khí của ngành Tài nguyên môi trường, hệ thống giám sát mực

⁴ Nội bộ là: Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 03/7/2019 về tăng cường quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 phê duyệt Đề án "Phát triển một số sản phẩm CNTT mũi nhọn của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 về việc ban hành Kiểm tra ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thanh Hóa (phiên bản 1.0).

⁵ Trung tâm mạng Văn phòng Tỉnh ủy; Trung tâm tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông.

⁶ Block chain (Chuỗi khối), IoT (Internet vạn vật).

nước các hồ đập của ngành Công Thương; nền tảng du lịch thông minh, nền tảng nông nghiệp thông minh.

+ Mạng Truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD): Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, mạng TSLCD cấp I đã được triển khai, kết nối đến các cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh phục vụ các ứng dụng được triển khai từ các cơ quan Trung ương theo quy định. Mạng TSLCD cấp II đã triển khai đến 48 cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện bao gồm: Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, 19 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 27 huyện, thị xã, thành phố phục vụ kết nối các ứng dụng dùng chung trên địa bàn tỉnh như: Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) đã kết nối, liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ việc gửi, nhận văn bản liên thông 4 cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã; cổng dịch vụ công; hệ thống một cửa điện tử; hệ thống thư điện tử công vụ; hội nghị truyền hình trực tuyến.

+ Hạ tầng viễn thông: Hạ tầng viễn thông tiếp tục được các doanh nghiệp đầu tư mở rộng vùng phục vụ, đáp ứng nhu cầu cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet băng thông rộng cố định, di động và dịch vụ truyền hình qua mạng viễn thông. Tổng số trạm trên toàn mạng là 9.399 trạm BTS (2.789 trạm 2G, 2.713 trạm 3G, 3.897 trạm 4G) lắp đặt tại 3.920 vị trí (cột A1 chiếm 3.3%, cột A2 chiếm 96.7%); có 14 thiết bị chuyển mạch cố định; 2.785 thiết bị truy nhập Internet băng thông rộng; tỷ lệ sử dụng chung cột ăng ten giữa các doanh nghiệp viễn thông đạt 7.6%. Các doanh nghiệp đầu tư xây dựng mới gần 800km cáp mạng ngoại vi; cải tạo chính trang gần 150km cáp; phối hợp với các cơ quan Nhà nước di dời, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đến hết tháng 12/2023, tổng số thuê bao điện thoại trên toàn mạng ước đạt 2.973.300 thuê bao (trong đó 25.300 thuê bao cố định; 2.948.000 thuê bao di động), đạt mật độ 80,50 máy/100 dân; tổng số thuê bao Internet trên toàn mạng ước đạt 2.400.000 thuê bao, đạt mật độ 65,4 thuê bao/100 dân.

100% số thôn/bản trên địa bàn tỉnh đã được phủ sóng thông tin di động 3G/4G; số thôn/bản trên địa bàn tỉnh đã có hạ tầng băng rộng cố định là 4.342/4.357 (tỷ lệ 99.65%). Tuy vậy, vẫn còn 15 bản⁶ chưa được đầu tư hạ tầng băng rộng cố định.

Ngoài ra, các doanh nghiệp viễn thông và CNTT trên địa bàn tỉnh đã huy động nguồn lực để đầu tư, hỗ trợ chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh; hỗ trợ triển khai thí điểm Trợ lý ảo trong việc rà soát văn bản; thí điểm Trợ lý ảo trong hỗ trợ giải quyết TTHC; hỗ trợ các huyện triển khai phần mềm quản lý CSDL quy hoạch xây dựng và quy hoạch nông thôn mới; xây dựng

⁵ Cột A1 là cột ăng ten không công kênh được lắp đặt trong và trên các công trình xây dựng, Cột A2 là cột ăng ten công kênh lắp đặt trên mặt đất

⁶ Huyện Bá Thước (01 bản), Thạch Xuân (01 bản), Quan Hóa (01 bản), huyện Quan Sơn (03 bản), huyện Mường Lát (9 bản).

trường học thông minh và tương tác đa phương tiện; xây dựng phần mềm và số hóa hồ sơ sản phẩm thuộc chương trình OCOP tỉnh; triển khai nền tảng học trực tuyến (*mobiEdu MOOCs*) cho cán bộ, công chức và Tổ công nghệ số cộng đồng.

c) Tham gia xây dựng hệ thống thông tin quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Cổng dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.thanhhoa.gov.vn>) đã được đưa vào sử dụng; hiện đang cung cấp 242 dữ liệu mở của 15 lĩnh vực⁹ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

- Đã hoàn thành và kết nối chính thức giữa Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thanh Hóa với CSDL quốc gia về dân cư và hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Ngay sau khi được Bộ Công an đồng ý thực hiện kết nối chính thức; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã ban hành văn bản hướng dẫn công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp thực hiện khai thác, sử dụng thông tin CSDL quốc gia về dân cư trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trong quá trình tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân; đồng thời quán triệt việc bảo mật, an toàn thông tin tài khoản đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Tính riêng trong năm 2023, số lượt cán bộ, công chức tại Bộ phận một cửa các cấp đã truy cập, khai thác thông tin của công dân trong CSDL quốc gia về dân cư trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trên 100.000 lượt.

- Kết nối, đồng bộ thành công 02 nhóm TTHC liên thông khai sinh, khai tử để phục vụ theo dõi, thống kê việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh kể từ ngày 10/7/2023. Đến nay, tổng số hồ sơ của 2 nhóm thủ tục liên thông: TTHC liên thông “*Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi*” và TTHC liên thông “*Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí*” được đồng bộ trạng thái trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để theo dõi, tổng hợp là 24.000 hồ sơ. Việc triển khai 2 nhóm dịch vụ công liên thông nêu trên đã giúp cắt giảm hồ sơ, giấy tờ, thời gian thực hiện cũng như chi phí đi lại của người dân; cụ thể, với nhóm dịch vụ về khai sinh thời gian thực hiện đã giảm từ 21 ngày xuống còn 4 ngày làm việc; nhóm dịch vụ liên quan đến khai tử thời gian thực hiện đã giảm từ 25 ngày xuống còn 10 ngày.

- Đã tham gia và hoàn thành kết nối giữa Hệ thống dịch vụ công về lĩnh vực đường bộ trong nước; Hệ thống dịch vụ công toàn trình đối Giấy phép lái xe trên Cổng dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa.

⁹ Lĩnh vực: Giáo dục; Thông tin và Truyền thông; Giao thông vận tải; Khoa học và Công nghệ; Kinh tế, Lao động; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp; Tài chính; Văn hóa du lịch; Xã hội; Xây dựng; Y tế sức khỏe; Công nghiệp; Nông thôn mới

- Ngành Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành và đang kết nối, chia sẻ CSDL đất đai với CSDL quốc gia về dân cư đối với 04/27 huyện với 95 xã, thị trấn¹⁰. Đồng thời, đã phối hợp đăng tải, cập nhật và kết nối chia sẻ 100% dữ liệu trong danh mục dữ liệu mở lên Công dữ liệu mở của tỉnh; cung cấp địa chỉ kết nối để tích hợp dữ liệu động cho phân hệ chỉ đạo điều hành của tỉnh theo quy định.

d) Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp bộ, cấp tỉnh và việc kết nối, chia sẻ dữ liệu các cấp.

- Lĩnh vực Y tế: Đã có 679/679 cơ sở y tế triển khai việc khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân (CCCD) gắn chip để thay thế thẻ bảo hiểm y tế (BHYT); đồng bộ thông tin của 3.161.227 thẻ BHYT vào thẻ CCCD gắn chip.

- Về hồ sơ doanh nghiệp: 100% hồ sơ doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh đều được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện số hóa lên mạng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

- Lĩnh vực an sinh xã hội: Triển khai thực hiện chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh; đến nay đã thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho 6.821 đối tượng, trong đó: 4.367 đối tượng bảo trợ xã hội; 2.454 đối tượng người có công¹¹.

- Phát triển công dân số: Tiếp tục thu nhận hồ sơ cấp thẻ CCCD cho công dân trên địa bàn (cá thường trú, tạm trú, cư trú); đã thu nhận được 3.449.484 hồ sơ đề nghị cấp CCCD; kích hoạt thành công 1.685.383 tài khoản định danh điện tử/1.620.967 chi tiêu giao; đạt tỷ lệ 103,97 %.

- Dữ liệu trẻ em: Đã chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật thông tin dữ liệu trẻ em: 960.281/960.281 trẻ em.

- Dữ liệu người có công: Đã thực hiện rà soát và làm sạch 60.878/65.161 người trên hệ thống CSDL quốc gia về dân cư.

- Dữ liệu Bảo hiểm - Xã hội: Đã xác thực đúng với CSDL quốc gia về dân cư 3.131.934/3.234.471 hồ sơ, đạt tỷ lệ 96,82%.

- Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức người lao động: Đã cập nhật, số hóa thông tin của 84.505 hồ sơ cán bộ công chức, viên chức của tỉnh và đồng bộ với CSDL quốc gia.

- Mã số thuế cá nhân: Đã thực hiện rà soát được 1.872.348/2.371.256 mã số thuế cá nhân.

¹⁰ Triệu Sơn: 36/36 xã, thị trấn; Yên Định: 26/26 xã, thị trấn; Hà Trung: 25/25 xã, thị trấn và Thọ Hóa: 05/25 xã, thị trấn

¹¹ Tổng số đối tượng đang hưởng chế độ chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh là: 260.081 người (trong đó: 193.363 người hưởng chính sách bảo trợ xã hội; 66.718 người hưởng chính sách người có công).

- Dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe: Toàn tỉnh có 42 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được công bố đủ điều kiện khám và cấp Giấy khám sức khỏe lái xe, 40/42 cơ sở đã thực hiện liên thông 40.038 giấy khám sức khỏe cho người lái xe.

e) Triển khai và sử dụng có hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và nhà nước.

- 100% các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh được kết nối với hệ thống mạng TSLCD. Một số ứng dụng dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo điều hành như: Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến... được đưa vào khai thác, sử dụng trên hệ thống mạng TSLCD đảm bảo an toàn về dữ liệu và các thông tin trao đổi giữa hệ thống các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Khối Đảng sử dụng đường TSLCD dùng 2Mbps quốc tế, 30Mbps trong nước phục vụ công tác hội nghị truyền hình, hệ thống thông tin sử dụng trong nội bộ công tác Đảng từ Trung ương với tỉnh, từ tỉnh với các huyện.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu đặt tại Văn phòng UBND tỉnh sử dụng đường TSLCD có băng thông 2Mbps quốc tế, 80Mbps trong nước phục vụ hệ thống mạng tại Văn phòng UBND tỉnh; phục vụ phần mềm Theo dõi thực hiện nhiệm vụ; Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và các phần mềm khác.

- Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông sử dụng đường TSLCD có băng thông 2Mbps quốc tế, 90Mbps trong nước đáp ứng nhu cầu các ứng dụng, phần mềm quản lý văn bản đi đến, hồ sơ công việc cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; cảnh báo về mất an toàn thông tin cho các máy chủ ứng dụng và các trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ cung cấp dịch vụ lưu trữ trang thông tin điện tử, các CSDL chuyên ngành.

- 20 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 27 UBND huyện, thị xã, thành phố sử dụng đường TSLCD có tốc độ từ 2Mbps-10Mbps, Internet FTTH tốc độ cao phục vụ các tổ chức, cá nhân truy cập thông tin nội bộ và Internet.

1.2. Những kết quả chưa đạt được

Việc triển khai các nền tảng số trong các ngành, lĩnh vực còn nhiều khó khăn do thiếu hướng dẫn đồng bộ từ các Bộ, ngành Trung ương như nền tảng khám chữa bệnh từ xa... CSDL của các ngành, lĩnh vực còn rời rạc, chưa kết nối, chia sẻ trong tỉnh do thiếu kho dữ liệu chung của tỉnh; việc chia sẻ, kết nối CSDL với Bộ, ngành Trung ương còn khó khăn như CSDL cấp đổi giấy phép lái xe, CSDL doanh nghiệp.

1.3. Nguyên nhân

Một số nền tảng số do Bộ, ngành Trung ương công bố nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể nên việc triển khai còn khó khăn và chưa đem lại hiệu quả trong thực tế như nền tảng địa chỉ số, nền tảng tổng hợp phân tích dữ liệu, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi, thiết thực, có hiệu quả cao

2.1. Những kết quả đạt được

Tỉnh Thanh Hóa đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai nhiều hệ thống thông tin, phần mềm vào công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc và phục vụ người dân, doanh nghiệp, được áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn tỉnh, thiết thực, có hiệu quả cao, nổi bật như:

a) *Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh* (<https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn>)

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thanh Hóa là hệ thống thông tin được hình thành trên cơ sở Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh có chức năng hỗ trợ việc tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước. Hệ thống đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia về dân cư, CSDL chuyên ngành phục vụ giải quyết TTHC; tích hợp, liên thông với Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (TD Office) được triển khai đến 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố để xử lý và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia để đăng tải công khai kết quả giải quyết TTHC và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến. Hiện nay, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh cung cấp thông tin 1.700 dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh (gồm 980 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 720 dịch vụ công trực tuyến một phần). Trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh có tổng số lượng tài khoản người dân doanh nghiệp đăng ký để nộp hồ sơ trực tuyến được xác thực trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và xác thực định danh mức độ 2 (VNeID) là 330.467 tài khoản¹². Hàng ngày, có trên 1.500 lượt truy cập Cổng Dịch vụ công của tỉnh để tra cứu, tìm hiểu thông tin cũng như thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

¹² Trong đó: 326.913 tài khoản của người dân, 3.554 tài khoản của doanh nghiệp.

b) Hệ thống Phản hồi Thanh Hóa (<https://phanhoi.thanhhoa.gov.vn>).

Hệ thống Phản hồi Thanh Hóa là kênh tương tác giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan chức năng về các vấn đề phát sinh cần giải quyết và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đời sống dân sinh và sản xuất, kinh doanh; phản ánh các hành vi chậm trễ, gây phiền hà, sách nhiễu của cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC. Thông qua hệ thống phần mềm, cơ quan quản lý nhà nước các cấp sẽ tiếp nhận và trả lời những phản ánh, kiến nghị theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hệ thống Phản hồi Thanh Hóa đã tiếp nhận, xử lý gần 2.000 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; tỷ lệ xử lý đúng hạn đạt 93%, mức độ hài lòng đạt 97% góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, đáp ứng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

c) Hệ thống theo dõi nhiệm vụ (<https://theodoinhiemvu.thanhhoa.gov.vn>).

Hệ thống giúp theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Hàng năm có trên 15.000 nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên hệ thống phần mềm. Thông qua hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ có thể đánh giá được mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của các sở, ngành, UBND cấp huyện; giúp lãnh đạo có thể theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị thực hiện công việc đúng thời gian, kịp tiến độ và có thể kiểm soát được các công việc đã triển khai. Phần mềm giúp nâng cao năng lực quản lý, tạo bước thay đổi đột phá trong các quy trình xử lý, theo dõi và giải quyết công việc; góp phần làm tăng hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và thực thi nhiệm vụ của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, tỉnh Thanh Hóa cũng đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, như:

- *Lĩnh vực Nội vụ:* Trong năm 2023, Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Viễn thông Thanh Hóa triển khai thí điểm phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và đã hoàn thành việc cập nhật 84.505 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Thanh Hóa và đồng bộ với CSDL quốc gia.

- *Lĩnh vực Tư pháp:* Đã hoàn thành hệ thống CSDL công chứng và thông tin ngăn chặn để đưa vào triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh từ năm 2019. Hiện tại, đã triển khai thực hiện số hóa và tạo lập CSDL điện tử hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa¹³.

¹³ Số hóa dữ liệu hộ tịch tại 3 huyện: Quảng Xương, Thọ Xuân và Bá Thước theo Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh

- *Lĩnh vực an ninh, trật tự*: Đã triển khai dự án “*Xây dựng Trung tâm chỉ huy, hệ thống giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*”, trong đó đã đầu tư trang thiết bị CNTT, phần mềm ứng dụng và hệ thống camera giám sát nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo dõi, giám sát năng lực điều hành, công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm; kịp thời phát hiện, xử lý tình huống vụ việc liên quan đến an ninh trật tự và an toàn giao thông; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và tự giác chấp hành quy tắc an toàn giao thông của người dân.

- *Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ*: Tỷ lệ trang thông tin điện tử thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến đạt 70%, tỷ lệ doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh trên sàn giao dịch đạt 42%; 100% các doanh nghiệp, tổ chức đã sử dụng hóa đơn điện tử.

- *Lĩnh vực Du lịch*: Từ năm 2016, đã triển khai vận hành hệ thống thông tin trong hoạt động quản lý, khai thác các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh; đã thực hiện số hóa và cập nhật được 71 khu, điểm du lịch, 65 cơ sở lưu trú du lịch; 50 bộ hồ sơ công ty lữ hành, 20 hồ sơ quy hoạch du lịch, 850 tin, bài, ảnh đăng lên phần mềm ứng dụng quản lý khai thác và CSDL du lịch tỉnh Thanh Hóa (<http://csdl.thanhhoa.travel>). Lắp đặt, phủ sóng Internet không dây công cộng đạt khoảng 80% tại các khu du lịch trọng điểm; đồng thời, đã phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu chuyên ngành cập nhật trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh và hệ thống điều hành thông minh phục vụ phân tích dữ liệu, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

- *Lĩnh vực Y tế*: Xây dựng mô hình y tế thông minh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện¹⁴. Hiện có 13 bệnh viện trong tỉnh kết nối khám chữa bệnh từ xa với tuyến trên và hỗ trợ tuyến dưới, 100% bệnh viện các tuyến đã triển khai hệ thống thông tin bệnh viện (HIS).

- *Lĩnh vực Giáo dục*: Sử dụng thống nhất các phần mềm quản lý trường học như Vnedu, Smas, Misa, Sổ liên lạc điện tử... từng bước đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, xây dựng mô hình lớp học thông minh, trường học thông minh¹⁵.

- *Lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*: Triển khai xây dựng đề án Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu đô thị, khu dân cư; dự án Xây dựng hệ thống thông tin và CSDL quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường trong xử lý chất thải rắn, từng bước hạn chế việc chôn lấp rác thải trực tiếp gây ô nhiễm môi trường; vận hành, quản

¹⁴ Gồm 03 bệnh viện tuyến tỉnh (bệnh viện Nội tiết, Phụ sản, Da liễu) và 05 bệnh viện tuyến huyện (Bệnh viện đa khoa Hà Trung, Quảng Xương, Yên Định, Hảings Hòa, Thọ Xuân).

¹⁵ Năm 2023 đã xây dựng 06 phòng học ứng dụng CNTT cấp độ 1; 44 phòng học ứng dụng CNTT cấp độ 2.

trị hệ thống Quan trắc môi trường tự động liên tục tại Trung tâm điều hành¹⁶; cung cấp địa chỉ, hướng dẫn các doanh nghiệp kết nối, truyền số liệu quan trắc môi trường về Trung tâm điều hành.

Hệ thống thông tin và CSDL quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành việc xây dựng và đã đi vào vận hành ứng dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng, khai thác thông tin cho các tổ chức, công dân có nhu cầu. Đồng thời, làm cơ sở kết nối với CSDL quốc gia về tài nguyên và môi trường; trong đó, phân hệ quản lý, luân chuyển hồ sơ đất đai của Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp, hỗ trợ công tác quản lý bản đồ số địa chính hiện có của các xã, huyện trên địa bàn tỉnh và cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản*: Đã và đang đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm và lai tạo các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; đã xây dựng được 59 mã số vùng trồng tại các huyện, thị xã, thành phố. Chuyển giao thành công công nghệ sinh học trong sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, đông trùng hạ thảo, lan kim tuyến; công nghệ tưới nước tiết kiệm đối với rau an toàn, cây ăn quả và vùng mía thâm canh. Bước đầu ứng dụng công nghệ viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý GIS trong quản lý vùng trồng mía nguyên liệu; công nghệ máy bay không người lái trong phun thuốc bảo vệ thực vật. Các địa phương đã đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng quy mô lớn, theo quy trình VietGAP¹⁷; khuyến khích sản xuất ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm công nghiệp; ứng dụng kỹ thuật mới trong khai thác, bảo quản trên tàu khai thác hải sản. Nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để nhận dạng nhanh một số loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm, phục vụ quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học; triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám trong theo dõi, quản lý và bảo vệ rừng¹⁸.

- *Đối với lĩnh vực quản lý hạ tầng giao thông*:

+ Áp dụng phần mềm quản lý cầu Trung ương và địa phương, phần mềm quản lý tài sản hạ tầng giao thông giúp nâng cao chất lượng công tác quản lý Nhà nước về cầu, đường bộ trên địa bàn tỉnh. Đây là phần mềm do Bộ Giao thông vận tải triển khai, dữ liệu tập trung tại Cục Đường bộ Việt Nam.

+ Ứng dụng phần mềm Govone trong công tác quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ giúp việc kiểm tra, giám sát trực tuyến, khách quan công tác hiện trường cũng như kết quả tuần đường, tuần kiểm, sửa chữa, bảo trì đường bộ.

¹⁶ Bao gồm: 94 trạm quan trắc môi trường, 06 trạm khai thác nước ngầm của 22 doanh nghiệp và 03 trạm quan trắc môi trường do nhà nước đầu tư.

¹⁷ Toàn tỉnh hiện có 72 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi quy mô lớn; 47 khu, cụm trang trại chăn nuôi tập trung theo chuỗi giá trị.

¹⁸ Từ năm 2021 đến nay, đã thực hiện giải đoán ảnh vệ tinh Sentinel, Landsat để theo dõi, quản lý và xác định các biến động về tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh. Xác định được 2.274 điểm có dấu hiệu biến động với diện tích 1.967 ha, độ chính xác biến động đạt trên 94%.

- Đối với lĩnh vực vận tải:

+ Sử dụng hệ thống giám sát hành trình trong công tác quản lý vận tải bằng xe ô tô: Trên cơ sở kết quả phân tích tình hình vi phạm từ dữ liệu giám sát hành trình đã kịp thời có các biện pháp xử lý, chấn chỉnh đối với xe ô tô vi phạm.

+ Sử dụng phần mềm quản lý bến xe khách: Theo đó, phần mềm sẽ tự động tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, thống kê báo cáo dữ liệu về hoạt động của từng bến bến xe khách trong toàn tỉnh, giúp Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải giám sát quá trình hoạt động của bến xe.

+ Hệ thống dịch vụ công trực tuyến về lĩnh vực quản lý vận tải: Cấp mới (đổi) phù hiệu, biển hiệu xe ô tô; Cấp mới (đổi) giấy phép kinh doanh vận tải; Đăng ký khai thác tuyến.

+ Triển khai việc lắp đặt camera giám sát trên các ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 9 chỗ trở lên và xe vận tải hàng hoá bằng container, xe đầu kéo phải lắp camera ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe trong suốt quá trình xe tham gia giao thông để cung cấp cho cơ quan công an, thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép.

- Đối với lĩnh vực đào tạo, sát hạch cấp Giấy phép lái xe:

Hiện nay, triển khai những quy định mới của Bộ Giao thông vận tải giúp cơ quan quản lý Nhà nước giám sát được thời gian học lý thuyết cũng như thực hành của các cơ sở đào tạo và học viên. Cơ sở đào tạo lái xe thực hiện giám sát bằng hệ thống camera bao gồm cả phòng học lý thuyết và sân thực hành; camera giám sát được truyền dữ liệu về Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam để quản lý, giám sát, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu. Hệ thống ứng dụng công nghệ nhận dạng người học, kiểm tra học viên bằng thẻ từ. Cơ sở đào tạo, Trung tâm sát hạch lái xe ô tô sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông; trang bị và sử dụng thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên (thiết bị DAT); cabin tập lái điện tử để đào tạo lái xe ô tô.

2.2. Những kết quả chưa đạt được

Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực, trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh còn chậm, thiếu đồng bộ; việc triển khai một số nền tảng quốc gia phục vụ chuyển đổi số ở các doanh nghiệp còn gặp nhiều vướng mắc, bất cập.

2.3. Nguyên nhân

Một số địa phương, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của việc chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số. Sự chủ động tham gia ứng dụng công nghệ số trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp còn thấp; còn nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược tiếp cận công nghệ số.

3. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

3.1. Những kết quả đạt được

Với sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; Trung tâm CNTT tỉnh Thanh Hóa đã được quyết định đầu tư xây dựng với quy mô hiện đại và nằm trong khuôn viên khu CNTT tập trung (phần mềm và nội dung số) nhằm cung cấp địa điểm, không gian để lắp đặt các trang thiết bị kỹ thuật cho các dự án ứng dụng CNTT, hệ thống thông tin CSDL tập trung, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, kỹ năng ứng dụng CNTT, sử dụng các dịch vụ CNTT cho đội ngũ cán bộ quản trị mạng, cán bộ công chức viên chức trong công tác vận hành hệ thống CNTT của các cơ quan quản lý nhà nước để sử dụng khai thác có hiệu quả các hệ thống thông tin của Chính quyền điện tử, các dịch vụ thành phố thông minh, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu sản xuất, chuyển giao phần mềm; khởi tạo và phát triển các doanh nghiệp phần mềm CNTT phục vụ nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh.

Tuy nhiên, do đa số các doanh nghiệp phần mềm có quy mô nhỏ, nguồn vốn còn hạn hẹp, chủ yếu là kinh doanh dịch vụ, chưa tập trung đầu tư nhiều trong việc sản xuất, chế tạo các sản phẩm công nghiệp CNTT, chưa đủ khả năng và kinh nghiệm tham gia phát triển và cạnh tranh trên thị trường. Các doanh nghiệp CNTT chưa được áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, do đó hiệu quả chưa cao. Như vậy, số doanh nghiệp thực tế tham gia vào phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số của tỉnh hiện còn rất khiêm tốn; các sản phẩm phần mềm được các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cung cấp trên thị trường còn ít.

(Một số doanh nghiệp và sản phẩm CNTT tiêu biểu được nêu tại Phụ lục 3 kèm theo).

3.2. Những kết quả chưa đạt được

Tỷ trọng đóng góp kinh tế số của tỉnh Thanh Hóa trong tổng quy mô nền kinh tế đạt 5,11%¹⁹. Trong khi đó, mục tiêu đặt ra là tỷ trọng kinh tế số chiếm 20% trở lên trong GRDP của tỉnh.

Việc hình thành và phát triển ngành Công nghiệp CNTT luôn được quan tâm xúc tiến, thu hút trong các kế hoạch, quy hoạch triển khai đề án tái cơ cấu các ngành dịch vụ của tỉnh. Mặc dù, tỉnh Thanh Hoá đã có quy hoạch Khu công nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng (huyện Thọ Xuân); trong đó, giai đoạn 1 được quy hoạch Khu công nghệ cao cho điện tử viễn thông – CNTT, nhưng đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có doanh nghiệp sản xuất, gia công phần cứng tham gia đầu tư xây dựng, sản xuất.

¹⁹ Theo thông cáo báo chí của Tổng cục thống kê ngày 29/12/2023.

3.3. Nguyên nhân

Các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa (*chiếm trên 97%*); năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp hạn chế và khó khăn; nguồn lực dành cho chuyển đổi số còn ít. Trong khi đó, chưa đánh giá được hiệu quả; phương pháp tính toán, đo lường đối với các chỉ tiêu về kinh tế số hiện nay chưa được hướng dẫn cụ thể nên các doanh nghiệp mới đang trong giai đoạn tiếp cận, chưa mặn mà nghiên cứu áp dụng.

4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

4.1. Những kết quả đạt được

a) Phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm đáp ứng nhu cầu trong nước về số lượng và chất lượng, có khả năng cung cấp nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao cho khu vực và thế giới.

Nguồn nhân lực CNTT trong các cơ quan nhà nước: Toàn tỉnh hiện có 130 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước có trình độ chuyên môn về CNTT; trong đó, có 119 người trình độ Đại học; 11 người trình độ sau đại học. 100% các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đều có cán bộ chuyên trách, phụ trách về CNTT thực hiện việc triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị.

Nguồn nhân lực CNTT của ngành giáo dục và đào tạo: Nhân lực CNTT cơ hữu đang trực tiếp làm công tác nghiên cứu, giảng dạy của Trường Đại học Hồng Đức là 16 người¹⁰. Nhân lực CNTT trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh có 900 giáo viên bộ môn Tin học thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và kiêm nhiệm nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại các nhà trường Tiểu học, THCS và THPT trên địa bàn tỉnh.

Nguồn nhân lực CNTT trong doanh nghiệp: Hiện nay, tổng số nhân lực có trình độ chuyên môn về CNTT của các doanh nghiệp là trên 2.010 người; trong đó: trình độ Đại học, Cao đẳng khoảng 1.890 người; sau đại học trên 120 người đang làm việc ổn định trong các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh liên quan đến lĩnh vực CNTT, nội dung số (gần 100 đơn vị); trong đó, có các doanh nghiệp viễn thông thuộc các tập đoàn, tổng công ty lớn (như: VNPT Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa, Mobifone tỉnh Thanh Hóa) và một số doanh nghiệp CNTT trong tỉnh hoạt động hiệu quả (như: Công ty Minh Lộ, Thinklab, Ligosoft...).

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, nội dung và chương trình đào tạo, nhất là chương trình đào tạo CNTT cho các chuyên ngành, ...

¹⁰ Trong đó: PGSTS: 02 người; Tiến sỹ 04 người; Thạc sĩ 10 người

Các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh²¹ đã tổ chức đào tạo và tăng cường hợp tác để phát triển nguồn nhân lực CNTT nhằm tạo nguồn lực cho tỉnh. Trong đó, Trường Đại học Hồng Đức thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành CNTT; từ năm 2019 đến nay, đã có 476 sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành CNTT (trong đó, trình độ Đại học 403 người; sau đại học 73 người), góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực CNTT phục vụ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Công tác tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân địa phương được quan tâm; các Tổ công nghệ số cộng đồng đã tích cực hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh sản xuất, các tổ chức, người dân kiến thức về chuyển đổi số và kỹ năng sử dụng các dịch vụ số. Từ năm 2020 đến nay, đã tổ chức tập huấn cho 100% thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp; bồi dưỡng kỹ năng số cho gần 4.700 thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng và 2.510 học viên là cán bộ công chức cấp xã; tập huấn, tư vấn các mô hình chuyển đổi số trong hoạt động, sản xuất kinh doanh cho trên 2.000 lượt doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.2. Những kết quả chưa đạt được

Nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất phần mềm, nội dung số và an toàn thông tin còn thiếu, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu.

Số lượng các doanh nghiệp CNTT có các hoạt động nghiên cứu, sản xuất phần mềm, sản phẩm nội dung số trên địa bàn tỉnh còn ít; phần lớn có quy mô nhỏ và siêu nhỏ; chưa có nhiều sản phẩm có thương hiệu; doanh thu về các sản phẩm phần mềm, nội dung số còn thấp; việc thu hút các các tập đoàn, doanh nghiệp CNTT lớn trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh còn hạn chế nên chưa thu hút được nguồn nhân lực CNTT.

4.3. Nguyên nhân

Sự chủ động tham gia ứng dụng công nghệ số trong các doanh nghiệp còn thấp; còn nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược tiếp cận công nghệ số. Các doanh nghiệp sản xuất phần mềm, nội dung số của tỉnh hầu hết là nhỏ và siêu nhỏ, chưa có sự liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực CNTT có trình độ, tay nghề cao để tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, sản xuất phần mềm, nội dung số trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Môi trường làm việc, các chính sách hiện nay của tỉnh chưa đủ hấp dẫn để thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao về làm việc tại địa phương.

²¹ Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Nghệ thuật, Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa

5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng nhằm đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh²²; các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, hệ thống thông tin chuyên ngành được triển khai xác định cấp độ và xây dựng các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ. Đến nay, 100% các hệ thống thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã được chuyển đổi sang sử dụng địa chỉ IPv6, có 856/856 cơ quan, đơn vị có hệ thống thông tin được phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được giám sát an toàn thông tin mạng và gắn nhãn tin nhiệm mạng.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa chưa có nội dung, sản phẩm nghiên cứu, làm chủ và sáng tạo về đảm bảo an ninh mạng và an toàn thông tin; chủ yếu được tiếp thu chuyển giao công nghệ. UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh việc thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao nhằm từng bước hình thành các khu công nghệ cao để nâng cao chất lượng, hiệu quả về sản xuất, kinh doanh song trong thực tế triển khai vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn.

6. Hợp tác quốc tế

Hợp tác quốc tế trong các hoạt động đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời gian qua chủ yếu là trên lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn. Hàng năm, các Trường Đại học, Cao đẳng đào tạo cho gần 200 sinh viên về CNTT; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đưa các kiến thức cơ bản về CNTT, chuyển đổi số vào chương trình giáo dục để phổ cập kiến thức cho học viên. Trong đó, nòng cốt, tiên phong là Trường Đại học Hồng Đức đã hợp tác đào tạo nguồn nhân lực CNTT với Đại học Tours (Cộng hòa Pháp), Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, các Tập đoàn CNTT, viễn thông trong và ngoài nước: Tập đoàn IDS, Sanan (Nhật Bản); Tập đoàn VNPT...

IV ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung kết quả đạt được

Tinh uỷ, HĐND tỉnh đã ban hành nhiều Nghị quyết, chủ trương; UBND tỉnh đã cụ thể hoá bằng việc ban hành các kế hoạch, chương trình thực hiện và

²² Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 19/10/2015 về tăng cường đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 08/6/2021 về tăng cường ứng tác bảo đảm an ninh, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 về việc đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 18/01/2023 về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị Camera giám sát; Quyết định số 1293/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Quy chế đảm bảo an ninh mạng trong hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan quản lý nhà nước; Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 17/7/2018 về việc ứng phó sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa...

phê duyệt các dự án trọng điểm; do vậy, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư, nhưng công tác ứng dụng và phát triển CNTT trong giai đoạn 2014-2024 đã có chuyển biến tích cực phục vụ công tác cải cách TTHC, có hiệu quả rõ rệt và góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, tiếp tục tạo được sự chuyển biến về nhận thức trong các cơ quan nhà nước, trong xã hội, người dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. cụ thể:

- Xây dựng Cổng thông tin điện tử của tỉnh (<https://thanhhoa.gov.vn>); 48 trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện (đạt tỷ lệ 100%) và 558 trang thông tin điện tử cấp xã (100%).

- Xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (<https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn>), cung cấp các dịch vụ hành chính công nhanh chóng, tiện lợi mang lại hiệu quả và lợi ích phục vụ người dân và doanh nghiệp, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc giải quyết TTHC.

- Xây dựng Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (<https://lgsp.thanhhoa.gov.vn>): Cung cấp 11 dịch vụ kết nối các phần mềm nội tỉnh²³ và 11 dịch vụ kết nối bên ngoài²⁴; đã thực hiện khai báo mã định danh điện tử cho 2.588 đơn vị và đồng bộ lên hệ thống danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước.

- Hệ thống thư điện tử công vụ: 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đều cấp hộp thư điện tử công vụ có tên miền @thanhhoa.gov.vn; hơn 98% cán bộ, công chức đã được cấp hộp thư điện tử công vụ và thường xuyên sử dụng phục vụ công việc.

- Phần mềm Quản lý văn bản, hồ sơ công việc (TDOffice): Được triển khai sử dụng cho 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, tỷ lệ ký số cơ quan đạt 98%.

- Hệ thống giao ban trực tuyến được triển khai trên 700 phòng họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã²⁵ và đưa vào vận hành, khai thác sử dụng ổn định, hiệu quả.

- Xây dựng Trung tâm công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh nhằm cung cấp địa điểm, không gian để lắp đặt các trang thiết bị kỹ thuật cho các dự án ứng dụng

²³ Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc cho các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã; Phần mềm gửi nhận văn bản dành cho doanh nghiệp; Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; Phần mềm một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Phần mềm Quản lý văn bản của khối Đảng; Phần mềm Quản lý văn bản của VNPT; Hệ thống thư điện tử công vụ; Phần mềm Phản hồi Thanh Hóa; Phần mềm theo dõi nhiệm vụ; Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

²⁴ Dịch vụ bưu chính công ích (VNPost); Thông tin cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch & Đầu tư; Thông tin bảo hiểm xã hội; CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư Pháp; Phần mềm cấp lý lịch tư pháp trực tuyến của Bộ Tư pháp; Phần mềm bộ tích điện tử của Bộ Tư pháp; Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng; CSDL quốc gia về đất đai; Tích hợp CSDL quốc gia về dân.

²⁵ Gồm: Văn phòng tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và tại trụ sở của UBND cấp huyện, cấp xã

CNTT, hệ thống thông tin CSDL tập trung, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, kỹ năng ứng dụng CNTT, sử dụng các dịch vụ CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước và cho các doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu thuê dịch vụ.

- Hạ tầng kỹ thuật CNTT của các cơ quan nhà nước được duy trì đảm bảo ứng dụng CNTT hoạt động ổn định; tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã có hệ thống mạng LAN và kết nối Internet tốc độ cao.

- 96% cán bộ công chức từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã được trang bị máy tính nối mạng để làm việc.

- Đã xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành; huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT được tăng cường: Mỗi năm có hàng trăm lượt cán bộ, công chức được đào tạo qua các lớp tin học cơ bản và nâng cao, đảm bảo cán bộ, công chức sử dụng thành thạo máy tính phục vụ công việc chuyên môn.

- Hệ thống thông tin và CSDL về các văn kiện của Đảng bộ tỉnh, quản lý hồ sơ đảng viên, Phần mềm quản lý thi đua khen thưởng, các phần mềm chuyên ngành của các sở, ban, ngành cấp tỉnh ứng dụng hiệu quả trong việc xử lý, cung cấp thông tin, bảo đảm nhanh chóng, an toàn, phục vụ có hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan của Đảng, Nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Công tác đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin được chú trọng: Các khóa đào tạo kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, quản trị mạng, các lớp đào tạo kiến thức về an toàn thông tin cho cán bộ quản lý được tổ chức định kỳ; hoạt động giám sát, cảnh báo, ứng cứu, xử lý sự cố, đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn toàn tỉnh được thực hiện thường xuyên.

- Một số doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh đã có sản phẩm CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế... được ứng dụng ở nhiều đơn vị trong và ngoài tỉnh.

2. Đánh giá chung về các tồn tại, hạn chế

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và các nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại một số đơn vị còn hạn chế; còn lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện; nhân lực hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế số còn thiếu và yếu.

- Chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh còn chậm, thiếu đồng bộ; việc triển khai một số nền tảng quốc gia phục vụ chuyển đổi số

doanh nghiệp còn gặp nhiều vướng mắc, bất cập. Số lượng các doanh nghiệp CNTT có các hoạt động nghiên cứu, sản xuất phần mềm, sản phẩm nội dung số trên địa bàn tỉnh còn ít; chưa có nhiều sản phẩm có thương hiệu; doanh thu về các sản phẩm phần mềm, nội dung số còn thấp; việc thu hút các các tập đoàn, doanh nghiệp CNTT lớn trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh còn hạn chế.

- Nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất phần mềm, nội dung số và an toàn thông tin còn thiếu, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Nguyên nhân

- Cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu một số địa phương, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương dẫn đến lúng túng trong quá trình triển khai, thực hiện. Trong khi đó, hệ thống văn bản pháp luật về chuyển đổi số vẫn có những bất cập; các văn bản hướng dẫn về xác định các chỉ tiêu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số chưa đồng bộ.

- Sự chủ động tham gia ứng dụng công nghệ số trong các doanh nghiệp còn thấp; còn nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược tiếp cận công nghệ số. Các doanh nghiệp sản xuất phần mềm, nội dung số của tỉnh hầu hết có quy mô nhỏ và siêu nhỏ; chưa có nhiều sản phẩm có thương hiệu để có thị phần trên thị trường; chưa có sự liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.

- Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực CNTT có trình độ, tay nghề cao để tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, sản xuất phần mềm, nội dung số trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Môi trường làm việc, các chính sách hiện nay của tỉnh chưa đủ hấp dẫn để thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao về làm việc tại địa phương.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT TRONG TÌNH HÌNH MỚI (GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035)

I. BỐI CẢNH VÀ YÊU CẦU

Trong những năm tới, việc ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số vẫn được xem là nền tảng và được các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm. Xu hướng chuyển đổi số, hướng tới xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; xây dựng đô thị thông minh trở thành mục tiêu hướng tới của mỗi quốc gia. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số ở nước ta đã và đang được Đảng, Nhà nước khẳng định có vai trò quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện

đại hóa đất nước, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ các ngành, lĩnh vực; đóng góp tích cực trong việc cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp; làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Các hoạt động, nhiệm vụ ứng dụng, phát triển CNTT, chuyển đổi số là yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong cái cách hành chính nhằm tăng cường năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đồng thời là chìa khóa để người dân tiếp cận với khoa học và công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các hoạt động ứng dụng, phát triển CNTT, chuyển đổi số ở nước ta nói chung và ở từng địa phương cũng đang đứng trước những khó khăn, thách thức, đó là: Người dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội nên số lượng người dân dùng công nghệ mới vào các hoạt động đời sống xã hội còn hạn chế, đó cũng là một trong những “rào cản” để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp khắc phục các hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW

Các nội dung nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và 26/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt nhiều kết quả tích cực, quan trọng là tiền đề để tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ tiếp theo của việc ứng dụng, phát triển CNTT, chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện cũng đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế và đã được đánh giá, xác định các nguyên nhân nêu cụ thể trong từng mục của báo cáo. Để tiếp tục thực hiện hiệu quả việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, UBND tỉnh Thanh Hóa đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Công tác thông tin, tuyên truyền: Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các Luật, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật về lĩnh vực CNTT đến các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn dân dưới nhiều hình thức như: Thông qua các hội nghị, hội thảo; xây dựng tờ rơi; qua hệ thống truyền thanh cơ sở và video clip nhằm hướng dẫn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân về những tiện ích, hiệu quả mà ứng dụng CNTT, chuyển đổi số mang lại trong công việc và cuộc sống.

- Hoàn thiện thể chế: Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cơ chế tài chính và đầu tư hỗ trợ việc ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, chế độ ưu đãi nhằm thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực CNTT nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nhằm kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin phục vụ các hoạt động quảng bá, xúc tiến, thu hút đầu tư; tăng cường các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước để thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, dịch vụ CNTT từng bước xây dựng thành công ngành công nghiệp CNTT của tỉnh. Triển khai đẩy mạnh hợp tác quốc tế thu hút các doanh nghiệp CNTT nước ngoài đầu tư vào khu công nghệ cao và các khu công nghiệp tập trung của tỉnh.

- Nguồn nhân lực: Triển khai các chương trình, đề án về tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy học nâng cao chất lượng giáo dục theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triển khai các nội dung và chương trình về tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, nghiên cứu khoa học nâng cao chất lượng đào tạo và dạy nghề theo chương trình của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị và các công nghệ tiên tiến phục vụ nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đạt chuẩn khu vực và quốc tế về CNTT. Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về CNTT cho cán bộ, lãnh đạo phụ trách và chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số.

2. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp mới để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số

Để phát huy những kết quả đã đạt được; khắc phục những tồn tại, hạn chế; UBND tỉnh Thanh Hóa sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với ứng dụng và phát triển CNTT, công nghệ số, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số

- Chủ động và bám sát các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông để xây dựng và triển khai kịp thời, hiệu quả đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; tăng cường công tác tập huấn về chuyển đổi số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, người dân và doanh nghiệp trên các nền tảng trực tuyến.

2.2. Về hoàn thiện thể chế

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa các quy định, quy chế, chính sách

nhằm thúc đẩy, tạo hành lang pháp lý, điều kiện thuận lợi thúc đẩy chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2.3. Về xây dựng hạ tầng thông tin, hạ tầng số quốc gia đồng bộ, hiện đại

- Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất CNTT cho các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đáp ứng yêu cầu làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác chỉ đạo, điều hành, tham mưu và chuyên môn.

- Nâng cấp, duy trì hoạt động các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, đảm bảo các hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh hoạt động an toàn, bảo mật.

- Triển khai mạng TSLCD cho toàn bộ hệ thống từ cấp tỉnh đến cấp xã, hình thành mạng TSLCD dùng riêng, độc lập cho các cơ quan nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh. Kết nối và hình thành mạng riêng tách biệt với mạng công cộng để cung cấp các hệ thống thông tin trong khối cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, đoàn thể để đảm bảo chất lượng đường truyền cao, bảo mật, an toàn, an ninh thông tin mạng.

- Triển khai hoàn thiện hệ thống hội nghị trực tuyến tỉnh Thanh Hóa đảm bảo kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã, bảo đảm thông suốt, đồng bộ về giải pháp công nghệ.

- Triển khai các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin; triển khai tích hợp, ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về nâng cấp, bổ sung các dịch vụ tích hợp thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh, mở rộng các dịch vụ và các kênh chia sẻ thông tin trên các nền tảng có sẵn, kết nối, đồng bộ dữ liệu với các CSDL quốc gia.

- Xây dựng các hệ thống thông tin nhằm kết nối và đồng bộ với các hệ thống thông tin quốc gia để kế thừa và khai thác sử dụng hiệu quả các CSDL dùng chung của quốc gia.

2.4. Về ứng dụng CNTT, công nghệ số

Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, hình thành chính quyền số để dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng các đô thị thông minh; cụ thể:

- Tiếp tục tổ chức triển khai các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức, đoàn thể bảo đảm thiết thực, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT, công nghệ số với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân

và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Xây dựng và phát triển dữ liệu số, xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh để thực hiện lưu trữ, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan với nhau và chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả công việc.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra các quy định về ứng dụng và phát triển CNTT, đảm bảo an toàn thông tin, đầu tư trong lĩnh vực CNTT.

2.5. Về phát triển nguồn nhân lực CNTT

Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ để tăng cường nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mới về chuyển đổi số.

Quan tâm đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện có hiệu quả các nội dung đổi mới về các chương trình giảng dạy CNTT trong các trường đại học, cơ sở dạy nghề theo hướng cụ thể, gắn với thực tiễn công việc, thắt chặt quản lý chất lượng đầu ra để nâng cao chất lượng nhân lực.

2.6. Về phát triển công nghiệp CNTT, công nghệ số

Triển khai có hiệu quả kế hoạch phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, tiếp cận và tham gia chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEdx); thúc đẩy việc sử dụng hợp đồng điện tử trong doanh nghiệp.

Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị toàn diện của doanh nghiệp. Tiếp tục có các chương trình, giải pháp tuyên truyền cho cộng đồng doanh nghiệp tỉnh nâng cao hiệu quả tham gia chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tích cực ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.7. Về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho chuyển đổi số

Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị.

Phối hợp thực hiện giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối

hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

2.8. Về tăng cường hợp tác quốc tế

Phối hợp triển khai các chương trình hợp tác trong nước, quốc tế, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phù hợp với việc xây dựng Chính quyền điện tử tinh. Triển khai các hoạt động hợp tác nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế, thu hút các doanh nghiệp CNTT nước ngoài đầu tư vào khu công nghệ cao và các khu công nghiệp tập trung của tỉnh.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

1. Đề xuất, kiến nghị với BCH TW Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW đã đạt được nhiều kết quả góp phần quan trọng trong việc thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, một số mục tiêu, nhiệm vụ của 36-NQ/TW cần cập nhật, bổ sung. Vì vậy, đề nghị Bộ Chính trị xem xét ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 36-NQ/TW để tạo động lực mới thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế của đất nước trong giai đoạn tới.

2. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ

Xem xét, chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao tham gia vào quá trình chuyển đổi số; ban hành chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam. Sớm trình Quốc hội sửa đổi Luật CNTT trong đó có nội dung quy định mức chi cho CNTT, chuyển đổi số hàng năm để đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện Nghị quyết; ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về Khu CNTT tập trung, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định Quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho phù hợp với thực tiễn.

3. Đề xuất, kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương

3.1. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu xây dựng các nền tảng, CSDL chuyên ngành dùng chung, chia sẻ cho các địa phương sử dụng đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong toàn quốc; kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, định hướng nhiệm vụ trọng tâm hàng năm về chuyển đổi số; hướng dẫn cụ thể về cách thức tính các chỉ tiêu đo lường chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3.2. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm hoàn thành việc kết nối, đồng bộ thông tin hồ sơ TTHC với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh; hoàn thành việc tái cấu trúc quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến thiết yếu theo Đề án 06 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trong đó có liên thông nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Đăng ký thuế; liên thông các thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã và đăng ký thuế).

3.3. Đề nghị Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước; hỗ trợ công tác tra cứu, xác minh về nhân thân của công dân, qua đó kịp thời ngăn chặn cá nhân bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.4. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo có giải pháp về tài chính đối với cán bộ, giáo viên bộ môn Tin học hiện đang được phân công nhiệm vụ kiêm nhiệm về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục.

3.5. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông, CNTT trên mạng TSLCD kết hợp kết nối Internet; hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai kịp thời Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để hỗ trợ chuyển đổi số của địa phương; quan tâm, giới thiệu các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực CNTT ở trong và ngoài nước vào đầu tư, phát triển thị trường CNTT tại tỉnh Thanh Hóa.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế Ban Cán sự đảng UBND tỉnh kính báo cáo Ban Cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- BCS đảng Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c),
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND (để b/c),
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c),
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy,
- UBND các huyện, thị xã, thành phố,
- Lưu: VT, CNTT.



Mai Xuân Liêm



Phụ lục 1

Danh mục các văn bản pháp lý của tỉnh Thanh Hóa về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

(Kèm theo Báo cáo số: 150 -BC/BCSD ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh Thanh Hóa)

| STT | Trích yếu nội dung | Số ký hiệu văn bản | Ngày, tháng ban hành |
|-----------|--|--------------------|----------------------|
| I | Nghị quyết | | |
| 1 | Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 | 81/2017/NQ-HĐND | 07/12/2017 |
| 2 | Nghị quyết của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 337/2020/NQ-HĐND | 06/12/2020 |
| 3 | Nghị quyết của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 06-NQ/TU | 10/11/2021 |
| 4 | Nghị quyết của HĐND tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026 | 214/2022/NQ-HĐND | 13/4/2022 |
| II | Chỉ thị | | |
| 1 | Về tăng cường đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 22/CT-UBND | 19/10/2015 |
| 2 | Về tăng cường quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh | 12/CT-UBND | 03/7/2019 |
| 3 | Về tăng cường chỉ đạo thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 12/CT-UBND | 01/4/2020 |
| 4 | Về việc tập trung chỉ đạo đổi mới quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính chuyển từ môi trường làm việc giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã | 15/CT-UBND | 18/5/2020 |
| 5 | Về tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. | 13/CT-UBND | 08/6/2021 |
| 6 | Về việc phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, thúc đẩy phát triển chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 06/CT-UBND | 16/5/2022 |

| | | | |
|-----------------------|---|-------------------|------------|
| 7 | Về việc đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 13/CT-UBND | 04/11/2022 |
| 8 | Về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị Camera giám sát | 02/CT-UBND | 18/01/2023 |
| III Quyết định | | | |
| 1 | Ủy quyền quản lý thuê bao chứng thư số chuyên dùng trong các quản lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa | 3457/QĐ-UBND | 16/10/2014 |
| 2 | Phê duyệt Đề cương Đề án phát triển Khu CNTT tập trung (phần mềm, nội dung số) tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 | 1991/QĐ-UBND | 01/6/2015 |
| 3 | Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công trung hạn "Ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của quản lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 | 1136/QĐ-UBND | 31/3/2016 |
| 4 | Phê duyệt Đề cương Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa | 1303/QĐ-UBND | 14/4/2016 |
| 5 | Phê duyệt Đề cương Đề án phát triển một số sản phẩm CNTT mũi nhọn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | 3269/QĐ-UBND | 26/8/2016 |
| 6 | Ban hành quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa | 4289/QĐ-UBND | 01/11/2016 |
| 7 | Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Đề án triển khai mô hình xây dựng Thanh Hóa thành tỉnh thông minh giai đoạn 2017-2020 | 103/QĐ-UBND | 11/01/2017 |
| 8 | Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án "Xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" | 133/QĐ-UBND | 12/01/2017 |
| 9 | Ban hành Quy chế đảm bảo an toàn an ninh mạng trong hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan quản lý nhà nước | 1293/2017/QĐ-UBND | 25/04/2017 |
| 10 | Phê duyệt Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020 | 2538/QĐ-UBND | 17/7/2017 |
| 11 | Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 1.0 | 3089/QĐ-UBND | 22/8/2017 |
| 12 | Phê duyệt điều chỉnh Dự án: Ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của quản lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 | 774/QĐ-UBND | 01/3/2018 |
| 13 | Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của quản lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2018 | 1074/QĐ-UBND | 28/3/2018 |

| | | | |
|----|---|-----------------|------------|
| 14 | Phê duyệt Đề án "Phát triển một số sản phẩm CNTT mới nhòp của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030" | 1505/QĐ-UBND | 26/4/2018 |
| 15 | Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 19/2018/QĐ-UBND | 29/5/2018 |
| 16 | Phê duyệt thiết kế thi công và tổng dự toán Dự án: Ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 | 4651/QĐ-UBND | 22/11/2018 |
| 17 | Về việc cấp mã định danh cho các cơ quan, đơn vị phục vụ kết nối, trao đổi văn bản điện tử thông qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 2871/QĐ-UBND | 27/7/2018 |
| 18 | Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án triển khai phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; phần mềm quản lý văn bản và hệ thống một cửa điện tử cấp xã | 3871/QĐ-UBND | 08/10/2018 |
| 19 | Quy chế hoạt động Công dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Thanh Hóa; | 27/2019/QĐ-UBND | 30/8/2019 |
| 20 | Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trung tâm CNTT tỉnh Thanh Hóa | 939/QĐ-UBND | 18/3/2019 |
| 21 | Ban hành Quy chế phối hợp theo dõi, xử lý thông tin xấu độc trên không gian mạng | 31/2020/QĐ-UBND | 23/7/2020 |
| 22 | Phê duyệt Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa phiên bản 2.0 | 1261/QĐ-UBND | 09/4/2020 |
| 23 | Ban hành kế hoạch triển khai xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử và xây dựng phòng họp không giấy tờ tại UBND tỉnh và các sở, ban ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh | 1304/QĐ-UBND | 14/4/2020 |
| 24 | Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ công nghệ thông tin được cấp thẩm quyền giao cho Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hoá thực hiện năm 2020 | 1359/QĐ-UBND | 20/4/2020 |
| 25 | Về việc điều chỉnh và cấp bổ sung mã định danh các cơ quan, đơn vị phục vụ kết nối, trao đổi văn bản điện tử thông qua các hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 1681/QĐ-UBND | 14/5/2020 |
| 26 | Kiến toan Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa | 2417/QĐ-UBND | 25/6/2020 |
| 27 | Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 4216/QĐ-UBND | 05/10/2020 |

| | | | |
|----|--|--------------|------------|
| 28 | Kiến toàn Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa | 76/QĐ-UBND | 07/01/2021 |
| 29 | Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu tỉnh Thanh Hóa | 135/QĐ-UBND | 11/01/2021 |
| 30 | Phê duyệt Đề cương Đề án đẩy mạnh ứng dụng và phát triển viễn thông, công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025 | 179/QĐ-UBND | 15/01/2021 |
| 31 | Phê duyệt Đề cương Đề án đẩy mạnh ứng dụng và phát triển viễn thông, công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 | 179/QĐ-UBND | 15/01/2021 |
| 32 | Kết quả xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong các CQNN tỉnh Thanh Hóa năm 2020 | 463/QĐ-UBND | 03/2/2021 |
| 33 | Ban hành Kế hoạch sẵn sàng kết nối, khai thác, sử dụng hiệu quả CSDL Quốc gia về dân cư | 608/QĐ-UBND | 19/2/2021 |
| 34 | Ban hành Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và đào tạo nguồn nhân lực an toàn thông tin, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 1039/QĐ-UBND | 29/3/2021 |
| 35 | Phê duyệt Đề cương Đề án chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 | 1768/QĐ-UBND | 27/5/2021 |
| 36 | Ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thanh Hóa (phiên bản 1.0) | 2269/QĐ-UBND | 30/6/2021 |
| 37 | Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 3716/QĐ-UBND | 23/9/2021 |
| 38 | Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 176/QĐ-UBND | 10/01/2022 |
| 39 | Danh mục mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 502/QĐ-UBND | 28/01/2022 |
| 40 | Giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 | 969/QĐ-UBND | 18/3/2022 |
| 41 | Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa. | 1145/QĐ-BCĐ | 04/4/2022 |
| 42 | Thay đổi, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 1924/QĐ-UBND | 03/6/2022 |
| 43 | Bổ sung thành viên Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 1942/QĐ-BCĐ | 06/6/2022 |
| 44 | Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 1943/QĐ-BCĐ | 06/6/2022 |

| | | | |
|----|--|---------------|------------|
| 45 | Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 1969/QĐ-BCĐ | 08/6/2022 |
| 46 | Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 3042/QĐ-UBND | 09/9/2022 |
| 47 | Thay đổi thành viên Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 3043/QĐ-UBND | 09/9/2022 |
| 48 | Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh | 3853/QĐ-UBND | 09/11/2022 |
| 49 | Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. | 630/QĐ-UBND | 27/2/2023 |
| 50 | Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật Dự án "Hợp nhất, nâng cấp Công Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa" | 729/QĐ-UBND | 06/3/2023 |
| 51 | Phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự án: Xây dựng Cổng thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động tại tỉnh Thanh Hóa | 897/QĐ-UBND | 17/3/2023 |
| 52 | Thay đổi thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 978/QĐ-UBND | 27/3/2023 |
| 53 | Phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự án: "Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa" | 1119/QĐ-UBND | 06/4/2023 |
| 54 | Phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự án: "Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" | 1139/QĐ-UBND | 07/4/2023 |
| 55 | Thành lập các đoàn kiểm tra kết quả ứng dụng các sản phẩm sau khi đưa vào sử dụng của các dự án thuộc Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020 | 1357/QĐ-UBND | 24/4/2023 |
| 56 | Thay đổi thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 1650/QĐ-UBND | 17/5/2023 |
| 57 | Ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 1829 /QĐ-UBND | 30/5/2023 |
| 58 | Ban hành kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022 | 2148/QĐ-UBND | 20/6/2023 |
| 59 | Ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh | 3049/QĐ-UBND | 28/8/2023 |

| | | | |
|----|---|--------------|------------|
| 60 | Về việc công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 02 đơn vị cấp xã thuộc huyện Hà Trung | 3840/QĐ-UBND | 19/10/2023 |
| 61 | Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 05 đơn vị cấp xã thuộc huyện Quảng Xương | 3878/QĐ-UBND | 20/10/2023 |
| 62 | Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 10 đơn vị cấp xã thuộc thành phố Thanh Hóa | 3896/QĐ-UBND | 23/10/2023 |
| 63 | Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho UBND phường Đông Sơn, Thị xã Bỉm Sơn | 4186/QĐ-UBND | 08/11/2023 |
| 64 | Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho 04 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Như Thanh | 4250/QĐ-UBND | 13/11/2023 |
| 65 | Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho 05 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Đông Sơn | 4349/QĐ-UBND | 19/11/2023 |
| 66 | Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho 04 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Yên Định | 4665/QĐ-UBND | 08/12/2023 |
| 67 | Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho 04 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Thiệu Hóa | 5049/QĐ-UBND | 28/12/2023 |
| 68 | Ban hành Quyết định công nhận hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho 07 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Thọ Xuân | 72/QĐ-UBND | 05/01/2024 |
| 69 | Ban hành Quyết định công nhận hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 05 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Ngọc Lặc | 187/QĐ-UBND | 11/01/2024 |
| 70 | Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa | 560/QĐ-UBND | 01/02/2024 |
| 71 | Ban hành Quyết định công nhận hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 02 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Lang Chánh | 669/QĐ-UBND | 06/2/2024 |
| 72 | Ban hành tạm thời Bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp huyện đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 1042/QĐ-UBND | 18/3/2024 |
| 73 | Ban hành Quyết định công nhận hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 03 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Thạch Thành | 1140/QĐ-UBND | 25/3/2024 |

| | | | |
|----|--|--------------|------------|
| IV | Kế hoạch, Chương trình | | |
| 1 | Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa | 92/KH-UBND | 29/6/2015 |
| 2 | Triển khai Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh và phát triển ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế | 111/KH-UBND | 30/7/2015 |
| 3 | Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 04/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử | 01/KH-UBND | 04/01/2016 |
| 4 | Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 | 22/KH-UBND | 15/02/2016 |
| 5 | Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 04/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử | 01/KH-UBND | 04/01/2016 |
| 6 | Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 | 22/KH-UBND | 15/02/2016 |
| 7 | Kế hoạch Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2016 | 49/KH-UBND | 30/03/2016 |
| 8 | Kế hoạch Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2017 | 154/KH-UBND | 30/03/2016 |
| 9 | Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học về triển khai xây dựng tỉnh Thanh Hóa thành tỉnh thông minh giai đoạn 2017-2020 | 24/KH-UBND | 08/02/2017 |
| 10 | Kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ công mức 3 và 4 của tỉnh Thanh Hóa năm 2017 | 131/KH-UBND | 09/8/2017 |
| 11 | Kế hoạch triển khai ứng dụng chứng thư số chuyên dùng trong cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2018 | 92/KH-UBND | 30/5/2017 |
| 12 | Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 | 164/KH-UBND | 25/9/2017 |
| 13 | Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội nghị quốc tế về Đô thị thông minh tại Thanh Hóa | 116/KH-UBND | 06/6/2018 |
| 14 | Kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng | 139/KH-UBND | 17/7/2018 |
| 15 | Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2019 | 196/KH-UBND | 29/11/2018 |
| 16 | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ | 1118/KH-UBND | 29/3/2019 |
| 17 | Triển khai chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong hoạt động của cơ quan nhà | 49/KH-UBND | 14/02/2020 |


| | | | |
|----|---|-------------|------------|
| | nước năm 2020 và định hướng đến năm 2025 | | |
| 18 | Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng thông tin phục vụ Đại hội Đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX | 70/KH-UBND | 06/3/2020 |
| 19 | Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, thay đổi hình thức làm việc, góp phần phòng chống, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh | 85/KH-UBND | 06/4/2020 |
| 20 | Triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 159/KH-UBND | 20/7/2020 |
| 21 | Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 | 180/KH-UBND | 24/8/2020 |
| 22 | Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021 | 71/KH-UBND | 29/3/2021 |
| 23 | Truyền thông hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn TMĐT, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 241/KH-UBND | 10/11/2021 |
| 24 | Kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 53/KH-UBND | 03/3/2022 |
| 25 | Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 54/CTr-UBND | 03/3/2022 |
| 26 | Triển khai thực hiện "Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 78/KH-UBND | 21/3/2022 |
| 27 | Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Thanh Hoá | 96/KH-UBND | 31/3/2022 |
| 28 | Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 97/KH-UBND | 04/4/2022 |
| 29 | Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong CQNN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 98/KH-UBND | 04/4/2022 |


| | | | |
|----|---|-------------|------------|
| 30 | Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022 tỉnh Thanh Hóa | 99/KH-BCĐ | 05/4/2022 |
| 31 | Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 | 106/KH-UBND | 12/4/2022 |
| 32 | Triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 114/KH-UBND | 25/4/2022 |
| 33 | Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 134/KH-UBND | 16/05/2022 |
| 34 | Thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 140/KH-UBND | 19/5/2022 |
| 35 | Triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử dựa trên Nền tảng sản phẩm TMĐT năm 2022 | 157/KH-UBND | 10/6/2022 |
| 36 | Triển khai thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Thanh Hóa | 192/KH-UBND | 10/8/2022 |
| 37 | Tổ chức các sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 223/KH-UBND | 16/9/2022 |
| 38 | Kế hoạch dịch chuyển và sử dụng nền tảng điện toán đám mây trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025 | 269/KH-UBND | 21/11/2022 |
| 39 | Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 281/KH-UBND | 10/12/2022 |
| 40 | Kế hoạch về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030 | 77/KH-UBND | 28/3/2023 |
| 41 | Kế hoạch tổ chức đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm về mô hình chuyển đổi số tại tỉnh Thừa Thiên Huế | 65/KH-BCĐ | 20/3/2023 |
| 42 | Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023 tỉnh Thanh Hóa | 100/KH-BCĐ | 26/4/2023 |
| 43 | Kế hoạch Tổ chức Đoàn công tác của tỉnh tham dự Hội thảo Hợp tác phát triển CNTT-TT Việt Nam lần thứ XXIV năm 2023 tại tỉnh Bình Định | 195/KH-BCĐ | 31/07/2023 |
| 44 | Tổ chức các sự kiện Ngày chuyển đổi số Quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 210/KH-UBND | 22/8/2023 |
| 45 | Về việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023-2025 | 225/KH-UBND | 15/9/2023 |
| 46 | Về việc kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ và các chỉ tiêu về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa năm 2023 | 226/KH-BCĐ | 15/9/2023 |
| 47 | Kế hoạch hỗ trợ công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 | 292/KH-UBND | 07/12/2023 |
| 48 | Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | 298/KH-UBND | 20/12/2023 |

| | | | |
|----|--|------------|-----------|
| 49 | Thực hiện Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" | 76/KH-UBND | 25/3/2024 |
| 50 | Kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024 | 106/KH-BCĐ | 26/4/2024 |

Phụ lục 2
Danh sách một số sản phẩm CNTT tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Báo cáo số: 450 -BC/BCSD ngày 21 tháng 5 năm 2024
của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh Thanh Hóa)

| STT | Tên công ty | Sản phẩm và chức năng chính | Các đơn vị đã triển khai |
|-----|----------------------|---|---|
| 1 | Viễn thông Thanh Hóa | <p>1. Hệ thống Vnedu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý số điểm, điểm danh hạnh kiểm của học sinh. - Hỗ trợ quản lý, tạo kỳ thi trắc nghiệm online, tự động đánh số báo danh, thời khoá biểu... - Hỗ trợ công tác thống kê, báo cáo. - Tích hợp chức năng thông báo điểm, kết quả học tập rèn luyện của học sinh trên website, thông qua hệ thống tin nhắn và hộp thư tự động giúp phụ huynh có thể dễ dàng nắm bắt tình hình học tập của con em mình. <p>2. Thiết kế website cho các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.</p> <p>3. Nội dung thông tin số 1080, cung cấp thông tin: Kết quả xổ số, Dự báo thời tiết trong nước và Quốc tế, Thông tin thể thao trong nước và Quốc tế, Giá vàng và ngoại tệ, thông tin ngân hàng, hệ thống ATM, Chỉ dẫn số điện thoại cố định HN, dịch vụ Bưu chính, Viễn thông, Chỉ dẫn khách sạn, nhà hàng, cửa hàng, siêu thị, Thông tin pháp luật, văn bản luật mới, Thông tin kinh tế, thị trường chứng khoán.....</p> | Hệ thống giáo dục phổ thông toàn quốc |
| 2 | Công ty TNHH Minh Lộ | <p>1. Phần mềm quản lý bệnh viện Minh Lộ BV</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng cập nhật hệ thống danh mục - Chức năng đón tiếp bệnh nhân - Chức năng tiếp nhận bệnh nhân và khám lâm sàng - Chức năng chỉ định cận lâm sàng và lập kết quả cận lâm sàng - Chức năng cập nhật chi tiết bệnh án chuyên khoa - Chức năng cập nhật thông tin phiếu hành chính - Chức năng kê đơn thuốc - Chức năng kê y lệnh - Chức năng duyệt y lệnh theo khoa - Chức năng xuất nhập dược - Chức năng thanh toán và thu chi - Chức năng báo cáo xuất nhập tồn - Chức năng báo cáo, thống kê, in bảng kê, in phiếu - Chức năng sao lưu dữ liệu - Chức năng phục hồi dữ liệu - Chức năng lưu vết người dùng - Yêu cầu an toàn bảo mật | Đã triển khai tại 64 tỉnh với 300 bệnh viện |

| | | | |
|---|--|---|--|
| |  | <p>2. Phần mềm điều hành hỗ trợ xếp hàng tự động và phân luồng bệnh nhân Minh Lộ QMS Lấy số thứ tự và gọi số một cách tự động Phát ra âm thanh gọi số Phục vụ được cho nhiều quầy dịch vụ thông qua môi trường mạng LAN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên vé in số thứ tự có thể in được logo của bệnh viện, hình ảnh, số bệnh nhân đang chờ, số bệnh nhân được thực hiện đăng ký, khám bệnh,... và nhiều thông tin khác. - Tự động lưu số liệu hiện tại khi cúp điện - Repeat lặp lại số hiện tại - Gọi tự động theo số được ưu tiên (bệnh nhân cấp cứu, bệnh nhân nặng) - Cung cấp các báo cáo thống kê hàng ngày về số lượng bệnh nhân thực hiện đăng ký khám chữa bệnh <p>3. Phần mềm quản lý nhà thuốc</p> <p>4. Phần mềm quản lý trang thiết bị</p> <p>5. Phần mềm quản lý nhân sự</p> <p>6. Phần mềm quản lý bán hàng</p> | |
| 3 | <p>Công ty cổ phần phát triển công nghệ Lam Kinh</p> | <p>1. Phần mềm quản lý tài chính về An sinh Xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý Đối tượng trợ cấp hàng tháng. - Quản lý Đối tượng hưởng trợ cấp đột xuất. - Quản lý Đối tượng hưởng trợ cấp mai táng phí. - Quản lý Đối tượng được cấp thẻ BHYT. - Rà soát lọc trùng. - Hệ thống thông báo. - Các hệ thống báo cáo. - Quản trị hệ thống. <p>2. Phần mềm quản lý nhân sự.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nhân sự: Quản lý nhân viên, Quá trình hoạt động, Khen thưởng, Kỷ luật, Tổng hợp báo cáo, Hồ sơ nhân viên, Khen thưởng, Kỷ luật, Quá trình hoạt động, Tìm kiếm nâng cao. - Quản lý danh mục - Quản trị hệ thống | <p>Tất cả các xã, phường và UBND huyện, thị trong tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Sở NN&PTNT Thanh Hóa, Sở Tài chính Thanh Hóa</p> |
| 4 | <p>Công ty cổ phần khai thác phát triển và ứng dụng công nghệ mới Trường Sinh</p> | <p>1. Quản lý bán hàng BMS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý về xuất nhập kho, xuất nhập hàng hóa và các chức năng thống kê liên quan - Quản lý các giao dịch thu chi, công nợ khách hàng, công nợ nhà cung cấp, báo cáo lãi lỗ, quản lý tài khoản giao dịch. - Quản lý nhập xuất báo hành các sản phẩm đã bán. - Khai báo các thông số hệ thống, quản lý khách hàng, quản lý nhà cung cấp, quản lý nhân viên, phân | <p>Các doanh nghiệp</p> |

| | | | |
|---|-------------------------------------|--|---|
| | |  quyền sử dụng, khai báo khoản thu – chi, khai báo đơn vị tính, khai báo quản lý chủng loại hàng hóa, khai báo quản lý sản phẩm. Phần mềm DirectAdmin. Phần mềm NgủnXDATA | |
| 5 | Công ty TNHH công nghệ OPNET | 1. Thi trắc nghiệm trực tuyến - Soạn đề thi - Chọn ngẫu nhiên đề thi trong ngân hàng đề thi - Tạo danh sách câu hỏi và đáp án nhảy ngẫu nhiên - Quản lý ngân hàng câu hỏi - Quản lý ngân hàng đề thi - Quản lý kỳ thi | Trường cao đẳng y tế Thanh Hóa, Trường trung cấp y tế Quảng Bình |

